

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 367/2020/DS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 28/9/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyên – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2019/TLST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2020/QĐXXST-DS ngày 25/8/2020 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2020/QĐST-DS ngày 11/9/2020**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thúy N; Sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Số 218 tầng 3 lô A, chung cư D, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H; Sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Số 154/194 đường B, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Quang A; Sinh năm 1948;

Nơi cư trú: Số 707 đường K, Phường Z, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Hà Thúy N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết. Khi bà H cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên có đề nghị bà N cho bà H vay tiền. Vì tin tưởng bà H có nhà cửa, nơi cư trú ổn định nên bà N đã cho bà H vay tiền.

Ngày 10/4/2018, bà N có cho bà Lê Thị H vay số tiền 300.000.000 đồng với thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng từ 10/4/2018 đến 10/10/2018, lãi suất 2%/tháng. Bà N đã giao đủ số tiền vay là 300.000.000 đồng cho bà H. Sau khi kiểm đếm nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng, bà H đã tự tay viết giấy vay tiền tín chấp, xác nhận các thỏa thuận như đã nêu trên và nhận đủ tiền.

Quá trình vay tiền, bà H không thanh toán lãi cho bà N dù bà N nhiều lần yêu cầu nhưng bà H luôn tìm mọi lý do năn nỉ khất nợ.

Qua nhiều lần yêu cầu gay gắt, ngày 30/6/2019, bà H đã tự tay viết giấy cam kết vào mặt sau bản photo giấy vay tiền tín chấp mà bà H đã tự tay viết vào ngày 10/4/2018 với nội dung cam kết mỗi tháng trả cho bà H 110.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 30/7/2019 nhưng bà N không đồng ý.

Vì vậy, ông N làm đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân Quận 8 và xác định yêu cầu cụ thể là:

1. Buộc bà Lê Thị H chịu trách nhiệm cá nhân trả lại số tiền nợ gốc đã vay cho bà N là 300.000.000 đồng

2. Buộc bà H thanh toán tiền lãi với lãi suất 20%/năm từ ngày 10/4/2018 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Tạm tính tiền lãi từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/9/2020 là 29 tháng: $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 29 \text{ tháng} = 145.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền yêu cầu bà H phải thanh toán tính đến ngày 10/9/2020 là: 445.000.000 đồng.

Buộc bà H chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán ngay một lần cho toàn bộ số nợ gốc và lãi ngay khi bản án hoặc quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật mà bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà N yêu cầu Toà án buộc bà H còn phải trả lãi do chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm vay, bà N và bà H thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng tương đương 24%/năm là vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật.

Vì vậy bà N khởi kiện bà H yêu cầu bà H thanh toán lãi cho bà N với lãi suất 20%/năm trên toàn bộ số tiền nợ gốc từ lúc cho vay cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bà N tự khai, số tiền bà N cho bà H vay là tiền thuộc sở hữu cá nhân của bà N. Chồng bà N là ông Nguyễn Quang A không liên quan đến giao dịch cho vay giữa bà N và bà H, ông A cũng có văn bản thể hiện ý kiến của mình cho Tòa án

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Lê Thị H đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà H cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thúy N. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Nguyễn Quang A có văn bản xác nhận số tiền bà N cho bà H vay là tiền riêng của bà N, ông A biết sự việc bà N cho bà H vay tiền và không có ý kiến gì. Ông A đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – bà Hà Thúy N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Lê Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Nguyễn Quang A vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án **chưa** đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 466, 468, 469 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hà Thúy Hạnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Hà Thúy N khởi kiện bà Lê Thị H yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận vay tiền các bên đã xác lập. Xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa cá nhân với cá nhân. Do bị đơn – bà Lê Thị H có đăng ký hộ khẩu tại Quận 8 và trong văn bản nhận nợ, bà H cũng ký xác nhận địa chỉ tại 154/194 đường B, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù theo xác minh của Công an Phường C, Quận 8 ngày 30/7/2019 ghi nhận hiện bà H không thực tế cư ngụ tại địa pH từ tháng 08/2019 nhưng nguyên đơn không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – bà Hà Thúy N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Nguyễn Quang A có văn bản xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt N, ông A.

Bị đơn – bà Lê Thị H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2019 và trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy số tiền bà N cho bà H vay là tiền riêng của bà N. Tại Giấy vay tiền và nhận nợ ngày 10/4/2018 đã thể hiện việc giao nhận tiền chỉ được thực hiện giữa bên cho vay là bà Hà Thúy N cùng chữ ký xác nhận của bên vay là bà Lê Thị H trực tiếp giao dịch với nhau. Bà N không biết về tình trạng hôn nhân của bà H. Bà N khởi kiện yêu cầu bà H chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán nợ. Tình trạng hôn nhân của bà Hạnh là có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Quang A (Theo Trích lục kết hôn số 1167/TLKH-BS ngày 14/9/2018 của Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh). Vì

vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Quang A.

Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự xác lập thỏa thuận vay tiền vào ngày 10/4/2018. Bà N khởi kiện ngày 27/6/2019, vì vậy vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào văn bản thể hiện việc vay tiền và nhận nợ ngày 10/4/2018 có chữ ký xác nhận của bà H có vay của bà N tổng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng.

Xét giao dịch giữa bà N với bà H là Hợp đồng vay thời hạn 06 tháng và có lãi. Tuy nhiên, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ. Vì vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên, Toà án đã nhiều lần triệu tập bà H nhưng bà H không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, việc nguyên đơn tự khai nhận, bị đơn có vay số tiền 300.000.000 đồng và chưa thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần nợ lãi: Nguyên đơn trình bày từ ngày 10/4/2018, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi như đã thỏa thuận cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chịu trách nhiệm thanh toán nợ gốc và trả lãi từ ngày 10/4/2018 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm với lãi suất 20%/năm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì về lãi, khoản vay của bà H thuộc trường hợp có lãi suất cao nhất không quá 20%/năm.

Từ các nhận định nêu trên cho thấy việc bà N yêu cầu bà H trả lãi với lãi suất 20%/năm đối với khoản vay nợ của bà H là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với việc tính lãi từ ngày 10/4/2018 đến ngày 28/9/2020 là 29 tháng 18 ngày có cơ sở cụ thể như sau:

- Tiền lãi của 29 tháng là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 29 \text{ tháng} = 145.000.000 \text{ đồng}.$
- Tiền lãi của 18 ngày là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 18 \text{ ngày} = 3.000.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng cả hai khoản gốc và lãi: 300.000.000 đồng + 145.000.000 đồng + 3.000.000 đồng = 448.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn cả nợ gốc và nợ lãi là 448.000.000 đồng.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu là: 20.000.000 đồng + ((448.000.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4%) = 21.920.000đ (Hai mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng);

- Nguyên đơn – bà Hà Thúy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 1 Điều 111, Khoản 1 Điều 112, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 469 và Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc bà Lê Thị H chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho bà Hà Thúy N số tiền còn nợ là 448.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng); Trong đó: Nợ gốc là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và nợ lãi là: 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.920.000đ (Hai mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Hà Thúy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.550.000đ (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019954 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6,

7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lương Duy Minh Chính